

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NGẠN
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: 30/2021/HNGĐ-ST

Ngày 07-5-2021

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Ngọc Côn.

2. Ông Trần Đăng Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Diệp Văn Vĩ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên tòa:
Ông Trần Quang Ninh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2021 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2021/QĐXX-ST ngày 31 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1962 (có mặt)

Bị đơn: Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1962 (vắng mặt)

Đều trú tại: Thôn Tân Trường, xã Thanh Hải, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn là bà Hoàng Thị H trình bày:

Bà và ông Trần Văn Đ kết hôn với nhau vào năm 1986, trước khi cưới có được tìm hiểu nhau trên cơ sở tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, từ đó cho đến nay vợ chồng không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Cưới xong vợ chồng về chung sống với nhau tại thôn Tân Trường, xã Thanh Hải cho đến nay. Qua thời gian chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn nghiêm trọng gì xảy ra, nhưng thời gian gần đây mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng hơn

dẫn đến thường xuyên đánh cãi, chửi nhau nhiều lần, bản thân bà chịu nhiều nỗi đau. Nay thấy vợ chồng không thể đoàn tụ được nữa, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Trần Văn Đ.

- Về con chung: Vợ chồng có ba con chung là Trần Văn Đ, sinh năm 1987, cháu Trần Thị Thu M, sinh năm 1990; cháu Trần Thị H, sinh năm 1995. Ly hôn hiện nay các cháu đã trưởng thành có cuộc sống riêng, tôi không có yêu cầu đề nghị gì. Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết vấn đề con chung.

- Về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con: Tôi và ông Trần Văn Đ tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về tài sản, công nợ chung: Tôi và ông Trần Văn Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 08/3/2021 bị đơn ông Trần Văn Đ trình bày: Ông kết hôn với bà Hoàng Thị H từ năm 1986 trước khi cưới hai bên có được tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, nhưng từ thời gian đó cho đến nay vợ chồng ông bà không đi đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống với nhau tại thôn Tân Trường, xã Thanh Hải đến nay. Quá trình chung sống anh xác định vợ chồng không có mâu thuẫn lớn gì xảy ra, vợ chồng chỉ phát sinh một số mâu thuẫn nhỏ nhặt, có đánh cãi chửi nhau, căng thẳng nhất vào ngày 04/11/2019 AL bà H bỏ nhà đi không xin phép tôi mà tôi cũng không biết bà H đi đâu và làm gì. Nay vợ chồng vẫn sống chung với nhau một nhà nhưng không còn tình cảm và quan tâm đến nhau nữa. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ gia đình được nữa bà Hòa xin ly hôn tôi hoàn toàn đồng ý, nhưng không đăng ký kết hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Vợ chồng có ba con chung là Trần Văn Đ, sinh năm 1987, cháu Trần Thị Thu M, sinh năm 1990; cháu Trần Thị H, sinh năm 1995. Các con đã trưởng thành, trên 18 tuổi, tự lao động để nuôi dưỡng bản thân. Nếu ly hôn tôi không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về tài sản, công nợ chung, đất ruộng nông nghiệp: Vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết, tôi không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay bà Hoàng Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn đối với ông Trần Văn Đ, vấn đề con chung, tài sản công nợ chung bà không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Bị đơn là Trần Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của BLTTDS. Bị đơn ông Trần Văn Đ không thực hiện

đúng các quy định của BLTTDS vắng mặt tại các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, phiên hòa giải và tại phiên toà hôm nay.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 9; Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xử:

- Về quan hệ vợ chồng: Không công nhận bà Hoàng Thị H và ông Trần Văn Đ là vợ chồng.

- Về con chung: Vợ chồng có ba người con chung là Trần Văn Đ, sinh năm 1987, cháu Trần Thị Thu M, sinh năm 1990; cháu Trần Thị H, sinh năm 1995. Do các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản, công nợ chung, ruộng canh tác: Do đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bà Hoàng Thị H là nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về trình tự, thủ tục tố tụng:

Bà Hoàng Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang giải quyết cho bà được ly hôn đối với ông Trần Văn Đ. Bị đơn ông Trần Văn Đ là người có địa chỉ cư trú tại thôn Tân Trường, xã Thanh Hải, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Như vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của BLTTDS năm 2015 thì tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị H và ông Trần Văn Đ kết hôn với nhau vào năm 1986, trước khi cưới có được tự do tìm hiểu tự nguyện không ai ép buộc, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, sau khi cưới ông, bà về chung sống với nhau như vợ chồng không đi đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Như vậy đây là hôn nhân không hợp pháp, theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Bà Hoàng Thị H xác định mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ tháng 11 năm 2019 (âm lịch), nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng bất đồng

quan điểm sống, thường xuyên xảy ra đánh cãi chửi nhau, nhiều lần bà bỏ nhà đi. Ông Trần Văn Đ xác định vợ chồng có những mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống, hay cãi chửi nhau, bà Hoa thường xuyên bỏ nhà đi nhiều ngày không hỏi ý kiến của ông, ông cũng không biết bà đi đâu và làm gì. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa bà H, ông Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa, không thể đoàn tụ gia đình, cuộc sống chung không thể kéo dài. Bà H xin ly hôn ông đồng ý nhưng không đăng ký kết hôn. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu của bà Hoàng Thị H để xử: Không công nhận bà Hoàng Thị H và ông Trần Văn Đ là vợ chồng phù hợp với quy định tại Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà Hoàng Thị H và ông Trần Văn Đ sinh được ba người con chung Trần Văn Đ, sinh năm 1987, cháu Trần Thị Thu M, sinh năm 1990; cháu Trần Thị H, sinh năm 1995. Cả bà H, ông Đ đều xác định các con đã trưởng thành, trên 18 tuổi, tự lao động để nuôi dưỡng bản thân, không đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3.3] Về tài sản, công nợ chung, đất nông nghiệp: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Bà Hoàng Thị H là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9, Điều 51, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271, khoản 1 Điều 273; Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Hoàng Thị H và ông Trần Văn Đ là vợ chồng.
2. Về con chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.
3. Về tài sản công nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Hoàng Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận bà H đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2019/0001855 ngày 05 tháng 3 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn. Bà Hoàng Thị Hoa đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn;
- UBND xã T;
- Cổng thông tin điện tử TAND tối cao;
- Các đương sự,
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Văn Hiếu